

**NGHỊ ĐỊNH số 131-CP ngày 29-9-1961**  
**quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ**  
**chức bộ máy của Tổng cục Thống kê.**

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1** — Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, có trách nhiệm chỉ đạo tập trung và thống nhất toàn bộ công tác điều tra thống kê theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ sưu tầm, chỉnh lý, phân tích các tài liệu thống kê có căn cứ khoa học về kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm phục vụ cho các công tác quản lý Nhà nước, lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

**Điều 2** — Tổng cục Thống kê có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Lập và ban hành hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các biểu mẫu và chế độ báo cáo thống kê, phương án điều tra, phương pháp tính toán và phân loại các chỉ tiêu thống kê; tổ chức và chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện chế độ báo cáo thống kê và các cuộc điều tra thống kê; thống nhất quản lý các loại biểu mẫu thống kê và phương án điều tra; không ngừng cải tiến công tác thống kê.

2. Trình Hội đồng Chính phủ, đồng gửi Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các báo cáo thống kê và các báo cáo về quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước, quá trình phát triển kinh tế và văn hóa, tỷ lệ phát triển của các ngành kinh tế kèm theo những nhận xét và kiến nghị.

3. Tổ chức và chỉ đạo các cuộc điều tra về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội theo chương trình công tác điều tra thống kê hàng năm đã được Hội đồng Chính phủ phê chuẩn, hoặc theo các nghị quyết, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ.

4. Lập các báo cáo thống kê về cân đối kinh tế quốc dân, tình sản phẩm xã hội, tính thu nhập quốc dân, lập các bảng cân đối về lao động, vật tư và các biểu tính toán dài hạn về số lượng nhân khẩu trong nước.

5. Công bố tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước, công bố tin tức thống kê và xuất bản niên báo thống kê cùng các tập san, sách khoa học kinh tế.

6. Thống nhất quản lý các số liệu thống kê về tình hình kinh tế, văn hóa trong nước; cung cấp cho Trung ương Đảng, Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành có liên quan những số liệu thống kê đã được thẩm tra và chỉnh lý để thống nhất sử dụng.

7. Sưu tầm và hệ thống hóa các số liệu thống kê về kinh tế, văn hóa miền Nam.

8. Sưu tầm và hệ thống hóa các số liệu thống kê về kinh tế, văn hóa của nước ngoài.

9. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương, tài sản, tài vụ trong ngành theo chế độ chung của Nhà nước.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thống kê cho các ngành kinh tế quốc dân; quản lý trường nghiệp vụ trung cấp thống kê thuộc Tổng cục.

10. Yêu cầu các ngành trung ương cùng các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp do các ngành trung ương quản lý, làm và gửi cho Tổng cục các báo cáo thống kê theo sự quy định của cơ quan có thẩm quyền; các báo cáo thống kê đều do Thủ trưởng cơ quan ký và chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu. Các ngành trung ương và các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp còn có nhiệm vụ cung cấp cho Tổng cục Thống kê: các bản tổng hợp số liệu về các cuộc kiểm kê và điều tra thống kê do ngành mình, đơn vị mình đã làm, các báo cáo phân tích về tình hình thực hiện kế hoạch trong từng thời kỳ cùng những thông tư, quyết định và quy định có liên quan đến công tác thống kê; trao đổi với Tổng cục các tập san và sách thống kê do ngành mình, đơn vị mình xuất bản.

**Điều 3** — Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ lãnh đạo toàn bộ công tác của Tổng cục như điều 2 đã quy định. Các Tổng cục phó Tổng cục Thống kê giúp Tổng cục trưởng trong việc lãnh đạo chung và có thể được Tổng cục trưởng ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Tổng cục.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và để thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ra những thông tư, quyết định và kiểm tra các ngành, các cấp, các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp trong việc thi hành những thông tư, quyết định ấy; sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của cơ quan thống kê cấp dưới; đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những thông tư, quyết định không thích đáng có liên quan đến công tác thống kê của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, hay của Ủy ban hành chính địa phương; đề nghị bãi bỏ những biểu mẫu thống kê, phương án điều tra đã phát hành không theo đúng thủ tục thẩm tra phê chuẩn, hoặc trái với những biểu mẫu thống kê, phương án điều tra đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

**Điều 4** — Tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê gồm có:

- Văn phòng.
- Vụ Thống kê tổng hợp.
- Vụ Thống kê công nghiệp.
- Vụ Thống kê nông nghiệp.
- Vụ Thống kê thương nghiệp và tài chính.
- Vụ Thống kê xây dựng cơ bản.
- Vụ Thống kê cung cấp vật tư kỹ thuật.
- Vụ Thống kê lao động và văn xã.
- Và các đơn vị sự nghiệp do Tổng cục quản lý.



Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, các Vụ và các đơn vị tương đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng, các Vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục quản lý sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Tổng cục Thống kê do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 5. — Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 29 tháng 9 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

## NGHỊ ĐỊNH số 133-CP ngày 29-9-1961 quy định nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960,

### NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Ủy ban Dân tộc là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, nhằm tăng cường đoàn kết các dân tộc theo nguyên tắc bình đẳng tương trợ, tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số cùng nhân dân toàn quốc tiến nhanh về mọi mặt lên chủ nghĩa xã hội.

Điều 2. — Ủy ban Dân tộc có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Điều tra, nghiên cứu nắm tình hình, đặc điểm các dân tộc thiểu số ở trong nước: nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách ở vùng dân tộc thiểu số nhằm xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, thực hiện quyền tham chính của các dân tộc thiểu số, phát triển kinh tế và văn hóa ở vùng dân tộc thiểu số.

2. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chính sách ở vùng dân tộc thiểu số và góp ý kiến với các Bộ, các ngành ở trung ương, các Ủy ban hành chính các khu tự trị, các tỉnh và các địa phương khác có dân tộc thiểu số trong việc nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện các chính sách cụ thể ở các vùng dân tộc thiểu số.

3. Đề ra phương hướng tuyên truyền, giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số và cùng các Bộ, các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính địa phương làm công tác tuyên truyền, giáo dục để tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc, động viên các dân tộc thiểu số hăng hái thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Quản lý trường cán bộ dân tộc trung ương, và giúp các ngành có liên quan đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về mặt nghiệp vụ công tác dân tộc.

5. Làm những công tác khác có liên quan đến chính sách dân tộc do Chính phủ giao cho.

6. Các Bộ, các ngành ở trung ương có liên quan đến công tác dân tộc, các Ủy ban hành chính các khu tự trị, các tỉnh và các địa phương khác có dân tộc thiểu số, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Dân tộc tình hình thực hiện chính sách dân tộc của Bộ mình, ngành mình, địa phương mình.

7. Quản lý tổ chức cán bộ, biên chế, lao động tiền lương tài sản, tài vụ của Ủy ban theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 3. — Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ và trước Quốc hội lãnh đạo toàn bộ công tác của Ủy ban như điều 2 đã quy định. Các Phó chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc giúp Chủ nhiệm trong việc lãnh đạo chung và có thể được Chủ nhiệm ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Ủy ban. Các Ủy viên Ủy ban Dân tộc giúp Chủ nhiệm phụ trách một số công việc, hoặc một bộ phận công tác của Ủy ban.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và để thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ra những thông tư, quyết định và kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thi hành những thông tư, quyết định ấy; đề nghị sửa đổi, bãi bỏ, hoặc đình chỉ thi hành những thông tư, quyết định của các Bộ, các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính địa phương xét ra không phù hợp với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Điều 4. — Tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc gồm có:

- Văn phòng
- Vụ Tuyên giáo.
- Vụ Nội chính
- Vụ Dân sinh
- Và các đơn vị sự nghiệp do Ủy ban quản lý.

Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, các Vụ, và các đơn vị tương đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng, các Vụ, và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban quản lý sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Ủy ban Dân tộc do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 5. — Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 29 tháng 9 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG